

Bản án số: 10/2022/HNGĐ - ST

Ngày 11/3/2022

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Như Ý**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Dương Văn Xuyên**

Ông Nguyễn Văn Vĩ.

- Thư ký phiên tòa: **Ông Tô Ngọc Lâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Trương Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

N đơn: **Anh Lê Đức H**, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Số nhà XX, ngõ YY đường Núi Đ, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Chị Lã Thị N**, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Số nhà XX, ngõ YY đường Núi Đ, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Có mặt anh H, vắng mặt chị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2021 và các lời khai theo N đơn là anh Lê Đức H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lã Thị N được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội 25/11/1991. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại tại tổ A (nay là tổ A'), thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Cuộc sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. N nhân do anh phát hiện chị N làm ăn phi pháp, có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Anh và gia đình đã nhiều lần cầm cố tài sản, vay tiền để trả nợ thay cho chị N. Đồng thời anh và gia đình đã khuyên bảo nhưng chị N không thay đổi. Ngày 11/12/2021, chị N đã bị Công an huyện Sóc Sơn bắt tạm giam để điều tra về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn chị Lã Thị N.

- Về con chung: Anh chị có 02 (hai) con chung là Lê Trung Đ, sinh ngày 01/11/1992 và Lê Thuỷ T, sinh ngày 27/8/1999. Cháu Đ, cháu T đều đã thành niên, ly hôn anh không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, đất nông nghiệp, công nợ, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Do đang bị tạm giam nên bị đơn là chị Lã Thị N có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 10/01/2022 và các lời khai theo chị Lã Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận lời khai của anh H về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nơi anh chị chung sống và N nhân mâu thuẫn như anh Lê Đức H đã trình bày là đúng và đầy đủ, chị không bổ sung gì thêm. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị xác nhận anh chị có 02 (hai) con chung như trình bày của anh H. Do các cháu đều đã thành niên, ly hôn, chị cũng không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, đất nông nghiệp, công nợ, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Kể từ

ngày nhận đơn, thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và N đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

- Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh H và chị N;
- Về con chung: Anh chị có 02 (hai) con chung là Lê Trung Đ, sinh ngày 01/11/1992 và Lê Thuỷ T, sinh ngày 27/8/1999. Các con chung đều đã trưởng thành nên anh chị không đề nghị giải quyết.
- Về tài sản, công sức, công nợ, đất ở, đất nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Bị đơn là chị Lã Thị N đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại tổ 6 (nay là tổ 3) thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn là chị Lã Thị N đang bị tạm giam và đã có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử vắng mặt chị Lã Thị N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đức H và chị Lã Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 25/11/1991. Hôn nhân giữa anh H, chị N là hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, anh H, chị N sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh H, chị N đều thống nhất N nhân mâu thuẫn là do chị N làm ăn phi pháp, có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hiện đang bị tạm giữ để điều tra. Anh chị xác định không còn tình cảm nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Qua xác minh tại địa phương cho thấy anh H, chị N chung sống tại tổ 3 thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống tại địa phương, anh chị không có điều tiếng gì với hàng xóm, láng giềng, tham gia đầy đủ sinh hoạt địa phương. Khoảng năm 2015, do chị N có quen biết, tin tưởng người ngoài nên có nhận hồ sơ xin việc và nhận tiền của một số trường hợp trong khi không có chức năng, nhiệm vụ xin việc, dẫn đến khi không xin được việc thì bị đòi tiền. Anh H từ đó cũng nghi ngờ, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Khoảng cuối năm 2021, chị N bị bắt tạm giam để điều tra về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh H, chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh chị cũng xác định không còn tình cảm và thống nhất ly hôn. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh H, chị N xác định có 02 (hai) con chung là Lê Trung Đ, sinh ngày 01/11/1992 và Lê Thuỷ T, sinh ngày 27/8/1999. Cháu Đ, cháu T đã thành niên, anh chị không có đề nghị gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, đất sản xuất nông nghiệp, công sức đóng góp, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh H, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Được trừ vào số tiền tạm ứng áp phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo Biên lai số 4650 ngày 07/01/2022.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Anh H, chị N có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Điều 143, 147, 227, 228, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Đức H. Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Lê Đ H và chị Lã Thị N.
2. Về con chung: Xác nhận anh H và chị N có 02 (hai) con chung là: Lê Trung Đ, sinh ngày 01/11/1992 và Lê Thuỷ T, sinh ngày 27/8/1999. Cháu Đ, cháu T đã thành niên, anh chị không có yêu cầu đề nghị gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung, đất sản xuất nông nghiệp, nợ và công sức đóng góp: Ghi nhận sự tự nguyện của anh H, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Anh Lê Đức H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0004650 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.
5. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Đức H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Lã Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã Phù L (Giấy chứng nhận kết hôn số xy ngày xx/xx/1991);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Như Ý